

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ QUAO  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Nghê

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Thật.

2. Ông Nguyễn Văn Trường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 110/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2021 về: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị K, sinh năm 1974 (có mặt);

Địa chỉ: ấp N, xã V, huyện T, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh P, sinh năm 1968 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp Ph, xã V, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 08/4/2021, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Trần Thị K như sau: Bà chung sống với ông Trần Thanh P vào năm 1993, hôn nhân tự nguyện nhưng không tổ chức đám cưới và không đăng ký kết hôn.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Ông bà đã ly thân từ năm 2003. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Trần Thanh P.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng ông bà có 01 đứa con chung tên Trần Thị Ngọc D – sinh ngày 18/8/1995.

Bà K và ông P không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nguyên vọng: Về hôn nhân bà K xin ly hôn với ông Trần Thanh P.

Về con chung: Con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Thanh P có ý kiến: Hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của bà K về thời gian hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng.

Về quan hệ hôn nhân: Ông P đồng ý ly hôn.

Về con chung: Con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp của bà Trần Thị K và ông Trần Thanh P là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Trần Thanh P là bị đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông P.

[2]. Về hôn nhân: Bà Trần Thị K và ông Trần Thanh P tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 và Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong quá trình chung sống hơn 10 năm ông bà không có đăng ký kết hôn trễ hạn là không tuân thủ theo quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Nay, bà K yêu cầu được ly hôn, ông P cũng đồng ý. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị K và ông Trần Thanh P là quan hệ vợ chồng.

[3]. Về con chung: Bà Trần Thị K và ông Trần Thanh P xác định có 01 người con chung tên Trần Thị Ngọc D – sinh ngày 18/8/1995 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Áp dụng Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Trần Thị K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006586, ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy bà K đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.  
Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 53, Điều 81, 82, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị K.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Trần Thị K và ông Trần Thanh P là vợ chồng.

2. Về con chung: Miễn xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị K phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0006508, ngày 08/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. (11/5/2021). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

**Nguyễn Thành Nghệ**